CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, thuê tài sản, thuê đơn vị cung ứng dịch vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, thuê tài sản, thuê đơn vị cung cấp dịch vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

Chương I
Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về:

a) Vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, góp vốn vào các đề án, dự án liên doanh, liên kết;

b) Sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết tại đơn vị và tham gia liên doanh, liên kết đầu tư cơ sở y tế mới ngoài đơn vị;

c) Thuê tài sản là trang thiết bị; thuê công trình hạ tầng; đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị;

d) Thuê đơn vị cung ứng dịch vụ cận lâm sàng, các dịch vụ phụ trợ phục vụ hoạt động của đơn vị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, các cơ sở đào tạo y dược công lập (kể cả bệnh viện thuộc các cơ sở đào tạo y dược công lập) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và tổ chức bộ máy kế toán hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật kế toán để

thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công hoặc phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực chuyên môn y tế - dân số (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp);

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội có đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số được áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Thuê công trình hạ tầng" là việc Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng trên đất của đơn vị được giao hoặc thuê công trình hạ tầng ngoài đơn vị để thực hiện các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Đơn vị ký hợp đồng thuê và định kỳ trả cho nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân cho thuê một khoản kinh phí nhất định theo hợp đồng thuê.

2. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao, gồm:

a) Các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc hỗ trợ một phần chi phí để thực hiện;

b) Các hoạt động cung cấp các dịch vụ, sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng từ nguồn ngân sách nhà nước;

c) Khám, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

3. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội là các hoạt động cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân, theo cơ chế thị trường và không sử dụng ngân sách nhà nước, do người sử dụng tự nguyện chi trả chi phí.

4. "Cơ sở hạch toán độc lập" là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản và tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán, thuộc đơn vị sự nghiệp, được thành lập theo quy định của pháp luật để hoạt động dịch vụ theo yêu cầu.

5. "Bộ phận hoạt động dịch vụ" là đơn vị, trung tâm, khoa thuộc đơn vị sự nghiệp, được thành lập để hoạt động dịch vụ theo yêu cầu nhưng không tổ chức thành cơ sở hạch toán độc lập.

6. "Đơn vị hoạt động theo mô hình doanh nghiệp" là đơn vị được quản trị và hạch toán như doanh nghiệp.

7. Đơn vị thuộc nhóm 1 là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phân loại và giao tự chủ vào nhóm "Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư". Đơn vị thuộc nhóm 2 là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phân loại và giao tự chủ vào

nhóm "Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên". Đơn vị thuộc nhóm 3 là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phân loại và giao tự chủ vào nhóm "Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên". Đơn vị thuộc nhóm 4 là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phân loại và giao tự chủ vào nhóm "Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên".

Điều 3. Quy định chung về vay vốn, huy động vốn đầu tư; liên doanh, liên kết; thuê tài sản;

1. Đối với hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao:

a) Đơn vị được vay vốn, huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị; liên doanh, liên kết, thuê tài sản trong trường hợp tài sản hiện có chưa đáp ứng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản để thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao.

Việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) và hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Mức thu theo mức giá được cơ quan có thẩm quyền quy định (không thu theo mức giá hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu);

c) Toàn bộ doanh thu, chi phí được tổng hợp chung vào nguồn thu, chi phí và phản ánh trên báo cáo tài chính của đơn vị;

d) Đơn vị được sử dụng nguồn thu, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả chi phí thuê tài sản; trả gốc vốn vay, vốn huy động trong trường hợp vay vốn, huy động vốn để đầu tư. Chi phí trả lãi tiền vay, lãi huy động trong thời gian hoạt động được hạch toán, quyết toán vào kinh phí chi hoạt động thường xuyên của đơn vị.

2. Đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu:

a) Điều kiện để vay vốn, huy động vốn; sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết, thuê tài sản để hoạt động kinh doanh, dịch vụ:

- Đơn vị phải hoàn thành các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao cho đơn vị theo quy định.

- Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu (bao gồm cả các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ) phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Sử dụng đúng công năng của tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản;

b) Giá dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Riêng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: trong thời gian Bộ Y tế chưa ban hành mức giá tối đa của các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu, đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án giá và tạm thời quyết định mức giá theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý.

3. Trường hợp các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết, tài sản đi thuê được sử dụng cho cả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu thì mức giá của các dịch vụ thuộc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng trên đất của đơn vị phải phù hợp với quy hoạch mặt bằng xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp vay vốn, huy động vốn hoặc góp vốn liên doanh, liên kết bằng tiền để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị thì phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu.

5. Các đơn vị phải nghiên cứu, phân tích các ưu điểm, hạn chế và thảo luận công khai, dân chủ giữa Đảng uỷ, Ban giám đốc, tổ chức Công đoàn của đơn vị để thống nhất lựa chọn phương thức thực hiện (vay vốn, huy động vốn; liên doanh, liên kết; thuê tài sản, thuê đơn vị cung cấp dịch vụ), hình thức tổ chức thực hiện có hiệu quả nhất cho đơn vị và người sử dụng dịch vụ; phải công khai để viên chức, người lao động (sau đây gọi chung là người lao động) của đơn vị biết, thực hiện, theo dõi và giám sát.

6. Phải xác định lại giá trị tài sản đưa vào liên doanh, liên kết và tính khấu hao tài sản công sử dụng vào mục đích liên doanh, liên kết theo quy định.

7. Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước, của đơn vị;

8. Đơn vị và các bên tham gia liên doanh, liên kết, bên cho thuê tài sản, cung ứng dịch vụ phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của phần diện tích đất sử dụng và mục đích liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

9. Số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản công vào các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, vào mục đích liên doanh, liên kết sau khi hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II

Quy định về việc vay vốn, huy động vốn đầu tư tại đơn vị

Điều 4. Điều kiện để vay vốn, huy động vốn đầu tư tại đơn vị

1. Các đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 được vay vốn Ngân hàng phát triển Việt Nam, các ngân hàng thương mại, vốn kích cầu, vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư của địa phương, huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng công trình hạ tầng, mua sắm trang thiết bị trong các trường hợp sau:

a) Tài sản hiện có được nhà nước giao, đầu tư cho đơn vị còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức để thực hiện các hoạt động chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao;

b) Đầu tư công trình hạ tầng, trang thiết bị để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu;

2. Các đơn vị phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn được phê duyệt theo quy định tại Nghị định này;

3. Đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay, vốn huy động đúng mục đích; trả nợ gốc, trả lãi vốn vay, vốn huy động từ nguồn thu, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có); hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

Điều 5: Lập, phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn

1. Đơn vị lập phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn vay, vốn huy động, nội dung bao gồm:

a) Sự cần thiết phải vay vốn, huy động vốn để đầu tư.

b) Tên dự án: nêu rõ vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng, mua trang bị.

c) Mục tiêu vay vốn, huy động vốn: tài sản sử dụng vốn vay, vốn huy động để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hoạt động dịch vụ theo yêu cầu hay sử dụng cho cả hai mục tiêu này.

d) Quy mô, địa điểm thực hiện dự án.

đ) Hình thức tổ chức hoạt động của cơ sở vay vốn, huy động vốn. Trường hợp vay vốn, huy động vốn để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu: đơn vị lựa chọn theo một trong các hình thức quy định tại Điều 10 Nghị định này.

đ) Nhân lực để thực hiện các hoạt động từ các trang thiết bị hoặc cơ sở đầu tư từ nguồn vốn vay, vốn huy động.

e) Thời gian thực hiện dự án: thời gian đầu tư xây dựng, thời gian hoạt động của Dự án.

g) Tính khả thi của phương án vay vốn, huy động vốn:

- Tổng mức vốn đầu tư của dự án (lưu ý lãi vay trong thời gian xây dựng tính vào tổng mức đầu tư của dự án). Trường hợp dự án đầu tư từ vốn vay, vốn huy động và từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư: báo cáo cụ thể dự kiến mức vốn của từng nguồn vốn.

- Đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư: báo cáo thuyết minh cụ thể số dư tại thời điểm lập phương án, số dự kiến trích lập, sử dụng trong thời gian thực hiện dự án và cam kết dành đủ nguồn vốn để thực hiện dự án.

- Đối với số vốn vay, vốn huy động nêu rõ phương án vay vốn, huy động vốn, gồm: dự kiến vốn vay, vốn huy động; thời gian vay vốn, huy động vốn; dự kiến lãi suất, nguồn vốn và thời gian trả nợ gốc, trả lãi vốn vay, vốn huy động.

Trường hợp huy động vốn của các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, huy động vốn của các cá nhân: phải được lập thành hợp đồng vay theo quy định của pháp luật dân sự, lãi suất tiền vay không được cao hơn lãi suất cho vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam công bố.

- Phân tích sơ bộ phương án tài chính của Đề án: gồm: dự kiến giá dịch vụ, trong đó có khấu hao tài sản; dự kiến tổng số thu từng năm, trong đó có số thu khấu hao tài sản; dự kiến tổng số chi từng năm, trong đó có chi trả lãi vốn vay, vốn huy động; khả năng cân đối số thu khấu hao để trả gốc vốn vay, vốn huy động.

Đối với các dịch vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao sử dụng các tài sản từ nguồn vốn vay, vốn huy động: trường hợp giá dịch vụ chưa bao gồm khấu hao tài sản thì đơn vị phải xây dựng phương án sử dụng và bố trí Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả phần khấu hao tài sản tương ứng với số dịch vụ đã sử dụng.

- Dự kiến chênh lệch thu, chi và phân phối, sử dụng khoản chênh lệch từ nguồn thu của các hoạt động thu sử dụng nguồn vốn vay, vốn huy động.

h) Hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

i) Đơn vị làm việc với ngân hàng, tổ chức tín dụng để thỏa thuận nguyên tắc cho vay, số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng dự kiến cho vay và gửi kèm phương án vay vốn.

2. Phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn

a) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): do Người đứng đầu đơn vị quyết định. Đối với những đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý quyết định.

Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm này;

b) Đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn vay, vốn huy động và nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư

1. Các dự án chỉ sử dụng nguồn vốn vay, vốn huy động: căn cứ phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; đơn vị chịu trách nhiệm phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

2. Các dự án sử dụng cả nguồn vốn vay, vốn huy động và nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư: đơn vị phải lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó nguồn vốn được xác định như sau:

a) Đối với nguồn vốn vay, vốn huy động: theo phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định này và văn bản chấp thuận chủ trương cho vay của tổ chức tín dụng, văn bản thỏa thuận về huy động vốn;

b) Đối với nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư: báo cáo thuyết minh cụ thể số dư tại thời điểm lập phương án vay vốn, huy động vốn, số dự kiến trích lập, sử dụng trong thời gian thực hiện dự án và cam kết dành đủ nguồn vốn để thực hiện dự án.

3. Việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng cả vốn vay, vốn huy động và nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư thực hiện theo quy định sau:

a) Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1):

- Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn

diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm này;

b) Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2):

- Đối với dự án nhóm A: Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư, báo cáo Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3):

- Đối với dự án nhóm A, nhóm B: Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư, báo cáo Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Đối với dự án nhóm C: Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 7. Phê duyệt dự án đầu tư

1. Căn cứ vào chủ trương đầu tư được phê duyệt theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, đơn vị có trách nhiệm lập tổ chức lập dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định các nội dung của dự án theo các quy định hiện hành.

2. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định. Các dự án đầu tư xây dựng hoặc có cấu phần xây dựng phải tổ chức lập dự án, thẩm tra, thẩm định dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện dự án đầu tư

1. Sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, đơn vị thực hiện việc ký hợp đồng vay vốn, huy động vốn và thu xếp các nguồn vốn để thực hiện dự án;

2. Đối với các dự án chỉ sử dụng nguồn vốn vay, vốn huy động: Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa

chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn vay, vốn huy động và nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư: Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu; tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý dự án đầu tư công của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối với các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều này.

5. Việc lập, giao vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 9. Dự án sử dụng cả nguồn vốn vay, vốn huy động, nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư và vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và tổ chức quản lý, thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phân cấp quản lý dự án đầu tư của công của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc lập, giao vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 10. Tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu từ các dự án sử dụng nguồn vốn vay, vốn huy động

1. Trường hợp vay vốn, huy động vốn để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu: Đơn vị thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Thành lập "Cơ sở hạch toán độc lập" vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu do Chính phủ quy định;

b) Thành lập "Cơ sở hạch toán độc lập" là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

c) Sử dụng bộ máy hiện có của đơn vị để quản lý các hoạt động dịch vụ theo yêu cầu. Trường hợp này phải tổ chức theo dõi, hạch toán riêng doanh thu, chi phí và tổng hợp chung vào báo cáo tài chính của đơn vị.

2. Đối với các tài sản, công trình hạ tầng sử dụng một phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, một phần vốn vay, vốn huy động: Đơn vị phải dành diện tích, công

suất tối thiểu với tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao; trường hợp có nhu cầu thì được sử dụng phần diện tích, công suất tối đa bằng tỷ lệ vốn vay, vốn huy động để triển khai các hoạt động liên doanh, liên kết, dịch vụ theo yêu cầu.

3. Chi phí khấu hao và chi phí chi trả lãi tiền vay, tiền huy động được tính vào giá các dịch vụ sử dụng nguồn vốn vay, huy động. Đối với tài sản sử dụng cho cả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao và hoạt động kinh doanh, dịch vụ: Thực hiện phân bổ cho cả các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao và hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo tỷ lệ sử dụng tài sản.

4. Trường hợp giá dịch vụ của các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao chưa tính khấu hao: Đơn vị được sử dụng nguồn thu, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả phần khấu hao; phân bổ chi phí trả lãi tiền vay, lãi huy động tương ứng với số dịch vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao và hạch toán, quyết toán vào kinh phí chi hoạt động thường xuyên.

Chương III
Quy định về việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết tại đơn vị

Điều 11. Các trường hợp được sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết tại đơn vị

1. Đơn vị được sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao trong các trường hợp sau:

a) Chưa có đủ tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Việc sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết đem lại hiệu quả cao hơn trong việc cung cấp dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thời gian, cường độ sử dụng tài sản phải cao hơn khi chưa thực hiện liên doanh, liên kết;

d) Cung cấp được nhiều dịch vụ công hơn cho xã hội.

2. Đơn vị được sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu trong các trường hợp sau:

a) Tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất mà không thể áp dụng hình thức thu hồi, điều chuyển.

b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ hoạt động liên doanh, liên kết mà không do ngân sách nhà nước đầu tư.

c) Việc sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết đem lại hiệu quả cao hơn trong việc cung cấp dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản công, như:

- Sử dụng tài sản công trong thời gian không phải thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao;

- Thời gian, cường độ sử dụng tài sản phải cao hơn khi chưa thực hiện kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

- Cung cấp được nhiều dịch vụ công hơn cho xã hội.

d) Tài sản công của đơn vị tham gia liên doanh, liên kết gồm:

- Vốn góp bằng tiền trong trường hợp các bên tham gia góp vốn bằng tiền để đầu tư, mua sắm tài sản liên doanh, liên kết. Đơn vị chỉ được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn vay làm vốn góp;

- Tài sản là nhà, trang thiết bị sử dụng cho hoạt động liên doanh, liên kết;

- Giá trị thương hiệu của đơn vị.

Điều 12. Các hình thức liên doanh, liên kết tại đơn vị

1. Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên sử dụng tài sản của mình để thực hiện liên doanh, liên kết và tự quản lý, sử dụng tài sản của mình, tự bảo đảm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và được chia kết quả từ hoạt động liên doanh, liên kết theo hợp đồng;

2. Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết, các tài sản này được các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng kiểm soát việc quản lý, sử dụng;

3. Hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới: các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết:

a) Chỉ áp dụng đối với các Đề án liên doanh, liên kết để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu. Trong Đề án phải nêu rõ sự cần thiết phải thành lập pháp nhân mới. Mô hình tổ chức quản lý của pháp nhân mới là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư thuộc đơn vị (không thành lập pháp nhân mới là doanh nghiệp trong đơn vị).

b) Pháp nhân mới có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và hợp đồng liên doanh, liên kết.

c) Thời gian hoạt động của pháp nhân mới được xác định trên cơ sở thời gian hoàn vốn của các bên tham gia liên doanh, liên kết và hợp đồng liên doanh, liên kết. Trường hợp liên doanh, liên kết để đầu tư công trình hạ tầng trên đất của đơn vị, quyền sử dụng đất vẫn thuộc đơn vị; hết thời gian liên doanh, liên kết thì tài sản trên đất thuộc về đơn vị, đơn vị làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về tài sản công.

d) Pháp nhân mới được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa nếu đáp ứng danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định đối với đơn vị xã hội hóa.

đ) Pháp nhân mới và các bên tham gia thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nội dung Đề án liên doanh, liên kết tại đơn vị

Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết gồm các nội dung quy định tại Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các nội dung sau:

1. Về sự cần thiết sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết: Đơn vị có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá, phân tích nhu cầu sử dụng các dịch vụ do Đề án cung cấp, khả năng đáp ứng của đơn vị và các đơn vị khác trên địa bàn, nhu cầu chưa được đáp ứng để chứng minh sự cần thiết của Đề án.

2. Các Đề án liên doanh, liên kết về trang thiết bị phải dự kiến từng tài sản liên doanh, liên kết, tổng giá trị của Đề án liên doanh, liên kết, gồm:

a) Các tài sản và giá trị tài sản của đơn vị tham gia liên doanh, liên kết, gồm: giá trị thương hiệu, giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các tài sản trên đất sử dụng để lắp đặt trang thiết bị liên doanh, liên kết, giá trị các trang thiết bị của đơn vị sử dụng cùng với trang thiết bị dự kiến mời liên doanh, liên kết;

b) Trường hợp mời đối tác tham gia liên doanh, liên kết bằng trang thiết bị thì phải nêu rõ các yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật, xuất sứ và dự kiến giá của từng loại thiết bị; yêu cầu về kiểm định, kiểm chuẩn chất lượng trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu chuyên môn, chất lượng dịch vụ.

c) Trường hợp mời đối tác góp vốn bằng tiền để mua sắm các trang thiết bị thì phải có giá dự toán của từng loại thiết bị phù hợp với các yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật của thiết bị,

3. Xây dựng các tiêu chí lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 47 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Hình thức tổ chức liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; thời gian liên doanh, liên kết dự kiến; trách nhiệm của các bên trong tổ chức hoạt động liên doanh, liên kết; sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu tài sản tham gia vào liên doanh, liên kết.

5. Phương án xử lý tài sản và trách nhiệm của các bên tham gia Đề án sau khi hết thời gian liên doanh, liên kết theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

6. Giá dịch vụ liên doanh, liên kết:

a) Trường hợp liên doanh, liên kết chỉ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao: giá dịch vụ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

b) Trường hợp liên doanh, liên kết chỉ để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu: giá dịch vụ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

c) Trường hợp tài sản liên doanh, liên kết sử dụng cho cả 2 mục đích: giá dịch vụ đối với các dịch vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Phương án tài chính và phân chia thu nhập trong đề án

a) Đơn vị căn cứ vào dự báo số lượng dịch vụ, mức giá dịch vụ, giá trị góp vốn, giá trị tài sản dự kiến của đề án để xây dựng phương án tài chính, gồm tổng số thu, tổng số chi, chênh lệnh thu, chi; căn cứ dự kiến về giá trị góp vốn, tài sản, mức độ tham gia của các bên để dự kiến phương án phân chia thu nhập trong đề án (phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn đơn vị) để mời và lựa chọn đối tác;

b) Hình thức phân chia: theo tỷ lệ tính trên doanh thu hoặc tính trên chênh lệch thu chi sau khi hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước;

c) Phải dành một tỷ lệ nhất định để lập Quỹ dự phòng rủi ro, hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho các trường hợp khó khăn. Các bên tham gia phải thống nhất tỷ lệ, nguyên tắc sử dụng và phương án phân phối số kết dư Quỹ này khi hết hợp đồng liên doanh, liên kết (nếu có).

d) Phải có điều khoản bổ sung phụ lục hợp đồng để điều chỉnh giá dịch vụ hoặc tỷ lệ phân chia thu nhập trong trường hợp số lượng dịch vụ thực tế cung cấp cao hơn hoặc thấp hơn so với dự kiến ban đầu từ 10% trở lên.

Điều 14. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản, thương hiệu của đơn vị sự nghiệp trong Đề án liên doanh, liên kết

1. Trường hợp góp vốn bằng tiền để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị: giá trị tài sản được xác định trên cơ sở quyết toán của dự án được duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Giá trị thương hiệu của đơn vị để góp vốn liên doanh, liên kết được xác định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Được xác định bằng tiền và tính là vốn góp của đơn vị trong tổng giá trị của hợp đồng liên doanh, liên kết và được tính "khấu hao" vào chi phí của dịch vụ, chi phí hoạt động của liên doanh, liên kết tương ứng với thời gian của hợp đồng liên doanh, kết.

3. Trường hợp mời đối tác tham gia góp vốn bằng trang thiết bị y tế mới 100%: phải có chứng thư giám định hàng hoá về: tình trạng; chủng loại; xuất xứ; nước sản xuất; năm sản xuất; quy cách, phẩm chất. Việc xác định giá trị thiết bị do đơn vị và các bên tham gia quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Kết quả đấu thầu rộng rãi của thiết bị cùng chủng loại của một đơn vị sự nghiệp công lập mà hợp đồng được ký trước đó không quá 12 tháng, phù hợp với các thông tin về giá của tài sản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, của địa phương công khai giá trang thiết bị và công khai kết quả đấu thầu.

b) Đối với các loại tài sản chưa có kết quả đấu thầu rộng rãi và hợp đồng đã ký trước đó không quá 12 tháng: căn cứ vào tờ khai hàng hoá nhập khẩu, hợp đồng mua bán và các chi phí hợp pháp khác để xác định giá trị của tài sản đưa vào liên doanh, liên kết.

c) Thông báo thẩm định giá của cơ quan, đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

5. Đối với tài sản là nhà cửa, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của đơn vị sự nghiệp, của các bên đối tác đã qua sử dụng đưa vào liên doanh liên kết: Đơn vị và các bên đối tác phải thành lập Hội đồng để đánh giá và xác định lại giá trị của tài sản theo quy định.

Điều 15. Phê duyệt đề án liên doanh, liên kết tại đơn vị

1. Đơn vị gửi Đề án liên doanh liên kết về cơ quan tiếp nhận, cụ thể như sau:

a) Đối với các đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan trung ương quản lý: là đơn vị được Bộ, cơ quan trung ương chỉ định hoặc giao nhiệm vụ làm đầu mối quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương;

b) Đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý là Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Y tế).

2. Sau khi nhận được Đề án, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm xem xét, có ý kiến đối với đề án của đơn vị.

3. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận phải có văn bản gửi đơn vị, trong đó phải nêu rõ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

4. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc sau khi đơn vị đã hoàn thành Đề án sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận phải có văn bản:

a) Trình Hội đồng do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương thành lập để xem xét, có ý kiến về đề án của các đơn vị trực thuộc trung ương quản lý.

Sau khi Hội đồng họp và có ý kiến bằng văn bản, cơ quan tiếp nhận trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương để xem xét, quyết định. Trường hợp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương thống nhất với Đề án của đơn vị, cơ quan tiếp nhận báo cáo Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương ký văn bản xin ý kiến của Bộ Tài chính về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết;

b) Gửi Sở Tài chính để xem xét, có ý kiến đối với đề án của đơn vị thuộc địa phương quản lý. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

5. Hồ sơ gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm:

a) Văn bản đề nghị kèm theo ý kiến đề xuất của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính về đề án sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính;

b) Đề án sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản;

c) Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao;

d) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

6. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính (đối với đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương quản lý), Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý), đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm hoàn thiện đề án để trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau:

a) Đối với các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): Do người đứng đầu đơn vị phê duyệt. Đối với đơn vị có Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Đối với các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2):

- Người đứng đầu đơn vị phê duyệt đối với các Đề án có sử dụng tài sản (bao gồm cả tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị) có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 45 tỷ đồng;

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các Đề án có sử dụng tài sản (bao gồm cả tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị) có giá trị theo sổ sách kế toán từ 45 tỷ đồng trở lên.

c) Đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3); đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4):

- Người đứng đầu đơn vị phê duyệt đối với các Đề án có sử dụng tài sản (bao gồm cả tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị) có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 15 tỷ đồng;

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các Đề án có sử dụng tài sản (bao gồm cả tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị) có giá trị theo sổ sách kế toán từ 15 tỷ đồng trở lên.

d) Riêng đối với đề án sử dụng tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ trước khi phê duyệt.

7. Căn cứ đề án được duyệt, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công quyết định cụ thể việc sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết.

Điều 16. Lựa chọn đối tác và thực hiện Đề án liên doanh, liên kết

1. Đơn vị xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 47 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Tiêu chí này phải được thống nhất trong cấp ủy, lãnh đạo đơn vị, tổ chức công đoàn và phải được Người đứng đầu đơn vị phê duyệt, chịu trách nhiệm, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa đơn vị, người sử dụng dịch vụ và đối tác;

2. Thông báo công khai trên:

a) Trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế;

c) Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính.

3. Thành lập tổ lựa chọn đối tác để xem xét các hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân.

4. Căn cứ vào bảng xếp hạng các đối tác tham gia do tổ lựa chọn đối tác quy định tại khoản 3 Điều này cung cấp, tập thể đảng ủy, lãnh đạo và tổ chức công đoàn đơn vị phải họp, thảo luận để thống nhất lựa chọn đối tác.

5. Căn cứ vào biên bản họp lựa chọn đối tác, thủ trưởng đơn vị có quyết định phê duyệt việc lựa chọn đối tác và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện sau khi đề án được duyệt

1. Sau khi lựa chọn được đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với các bên tham gia liên doanh, liên kết:

a) Xây dựng và phê duyệt phương án liên doanh, liên kết;

b) Xây dựng, thương thảo và ký hợp đồng liên doanh, liên kết;

c) Xây dựng và quyết định mức giá của các dịch vụ do đề án liên doanh, liên kết cung cấp theo quy định tại Nghị định này;

c) Tổ chức thực hiện việc liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị phải mở sổ kế toán, theo dõi quản lý, hạch toán đầy đủ nguồn thu, các khoản chi phí của từng hoạt động liên doanh, liên kết theo quy định.

3. Việc mua thuốc, vật tư, hoá chất phục vụ hoạt động trong quá trình liên doanh, liên kết phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm vật tư, hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Chi phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Nguồn thu từ các hoạt động liên doanh, liên kết của đơn vị sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước là một nguồn tài chính của đơn vị, được quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương IV
Quy định về hợp tác đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngoài đơn vị

Điều 18. Hợp tác đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngoài đơn vị

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; trường đại học y dược công lập được phân loại tự chủ nhóm 1, nhóm 2 (gọi tắt là đơn vị) được tham gia hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết ngoài đơn vị (trên đất của nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền giao cho nhà đầu tư) theo các hình thức sau:

a) Nhà đầu tư xây dựng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Đơn vị góp thương hiệu và cử viên chức, người lao động sang làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do nhà đầu tư xây dựng để cùng khai thác.

b) Đơn vị và nhà đầu tư cùng góp vốn bằng tiền để đầu tư xây dựng và cùng khai thác cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mới.

2. Nguồn vốn để đơn vị tham gia góp vốn:

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị: Đơn vị chỉ được sử dụng khi đã bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư đã phê duyệt, dành nguồn quỹ hàng năm để trả nợ gốc vay, lãi vay, chi phí thuê tài sản hàng năm theo các hợp đồng, thỏa thuận vay, thuê tài sản (nếu có);

b) Nguồn vốn vay, vốn huy động: Đơn vị xây dựng phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn vay, vốn huy động theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn vay, vốn huy động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả sử dụng vốn vay để góp vốn liên doanh, liên kết. Sử dụng nguồn thu từ cơ sở liên doanh, liên kết này để trả nợ gốc và lãi vay, huy động theo quy định. Tổ chức quản lý tài sản theo quy định.

c) Giá trị thương hiệu của đơn vị: được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này;

3. Việc cử người lao động sang làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nêu tại khoản 1 Điều này theo nguyên tắc công khai, dân chủ, tự nguyện của người lao động. Đơn vị chịu trách nhiệm và có phương án bảo đảm nhân lực cho hoạt động bình thường theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Nội dung Đề án liên doanh, liên kết ngoài đơn vị

Đơn vị lập Đề án liên doanh, liên kết ngoài đơn vị, bao gồm các nội dung sau:

1. Sự cần thiết của Đề án, khả năng tham gia của đơn vị và các bên tham gia liên doanh, liên kết;

2. Quy mô, địa điểm thực hiện Đề án liên doanh, liên kết;

3. Mục tiêu của Đề án;

4. Tiến độ, thời gian thực hiện dự án, thời gian liên doanh, liên kết;

5. Phương thức tổ chức thực hiện Đề án;

6. Tính khả thi của Đề án. Riêng đối với Đề án góp vốn liên doanh, liên kết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định này phải phân tích sơ bộ phương án tài chính của Đề án, gồm tổng mức đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn; vốn góp của các bên tham gia; dự kiến mức thu, tổng thu, tổng chi từng năm trong thời gian liên doanh, liên kết; chênh lệch thu, chi; phân phối doanh thu, thu nhập từng năm trong thời gian liên doanh, liên kết;

7. Xử lý tài sản của Đề án sau khi hết thời gian liên doanh, liên kết.

8. Hiệu quả kinh tế xã hội của Đề án;

Điều 20. Phê duyệt Đề án liên doanh, liên kết; dự án liên doanh, liên kết đầu tư cơ sở y tế ngoài đơn vị

1. Việc lập và gửi đề án, hồ sơ gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính đối với các Đề án liên doanh, liên kết ngoài đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Đối với các Đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 quy định này: Đơn vị và các nhà đầu tư phải xây dựng, lập và thẩm định dự án, quyết toán Dự án đầu tư theo quy định như đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP, làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư, tỷ lệ tham gia góp vốn của các bên, phân chia thu nhập, trong đó lưu ý:

a) Việc đầu tư xây dựng các cơ sở y tế phải theo tiêu chuẩn xây dựng quy định cho từng loại công trình y tế.

b) Đơn vị và nhà đầu tư phải thống nhất thành lập pháp nhân mới làm chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thẩm tra, thẩm định thiết kế, tổng dự toán và phê duyệt dự án theo quy định.

c) Đơn vị và các nhà đầu tư phải thuê đơn vị kiểm toán độc lập để thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư, tỷ lệ tham gia góp vốn của các bên, phân chia thu nhập.

d) Xác định giá trị thương hiệu của đơn vị tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này;

Điều 21. Tổ chức thực hiện Đề án liên doanh, liên kết ngoài đơn vị

1. Sau khi có quyết định phê duyệt đề án, phê duyệt dự án, đơn vị thực hiện việc ký hợp đồng liên doanh, liên kết; tổ chức quản lý, triển khai thực hiện đề án theo đúng các nội dung đã được phê duyệt.

2. Cơ sở liên doanh, liên kết thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp. Căn cứ tỷ lệ vốn góp, thành viên tham gia góp vốn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thành lập và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp (công ty cổ phần có cổ phần), tổ chức hạch toán, kế toán, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công sau khi góp vốn liên doanh, liên kết để thành lập pháp nhân do pháp nhân mới quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan, nhưng phải phát triển vốn, tài sản của đơn vị sự nghiệp công. Các pháp nhân này được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa nếu thuộc danh mục các loại hình, đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Chương V
Quy định về thuê tài sản, đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê tài sản, thuê đơn vị cung cấp dịch vụ

Điều 22. Các trường hợp được thuê tài sản

Các đơn vị được thuê tài sản khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chưa có tài sản hoặc thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức để thực hiện chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao (trừ các tài sản thuộc trường hợp khoán kinh phí theo quy định tại Điều 33 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công);

2. Tài sản hiện có đã hư hỏng không còn sử dụng được hoặc không đảm bảo an toàn khi sử dụng;

3. Chỉ có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn hoặc không thường xuyên;

4. Việc thuê tài sản hiệu quả hơn so với việc đầu tư, mua sắm; vay vốn, huy động vốn để đầu tư, mua sắm hoặc liên doanh, liên kết.

Điều 23. Hồ sơ thuê tài sản

1. Văn bản đề nghị của đơn vị, trong đó nêu rõ:

a) Nhu cầu sử dụng tài sản đề nghị thuê; tiêu chuẩn, định mức tài sản; số lượng tài sản hiện có, số còn thiếu đối với tài sản có nhu cầu cần phải đi thuê;

b) Mục đích sử dụng tài sản đi thuê: Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao; hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu hay cho cả 2 mục đích này.

c) Danh mục tài sản đề nghị thuê (chủng loại, số lượng đối với tài sản đi thuê là thiết bị y tế; diện tích đối với tài sản đi thuê là nhà).

d) Thời gian thuê đối với các tài sản không thuê theo thời, vụ: theo nhu cầu thuê của đơn vị nhưng không quá thời gian khấu hao tối đa của tài sản đi thuê theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản.

đ) Dự toán tiền thuê theo tháng, quý, năm và dự kiến cả hợp đồng thuê. Tiền thuê trả theo ca sử dụng hoặc theo tháng, quý, năm. Phương thức trả tiền thuê: trả tiền thuê theo mức cố định theo hợp đồng thuê hoặc theo tỷ lệ doanh thu của các dịch vụ sử dụng tài sản đi thuê. Nguồn kinh phí chi trả tiền thuê tài sản.

e) Tiêu chí lựa chọn đối tác cho thuê tài sản, trong đó đối với trang thiết bị phải nêu rõ số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật của tài sản cần đi thuê; đối với nhà cửa, cơ sở hạ tầng phải nêu rõ điều kiện về cơ sở hạ tầng giao thông, địa điểm, khu vực cần thuê và các tiêu chí khác để đáp ứng mục tiêu thuê, chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản đi thuê.

2. Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thuê tài sản (như tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản được duyệt, báo cáo kiểm kê số lượng tài sản hiện có, báo cáo nhu cầu sử dụng tài sản).

Điều 24. Nguồn kinh phí thuê tài sản

1. Chi phí thuê tài sản để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao: Đơn vị được sử dụng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn tài ngân sách giao tự chủ, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để chi trả.

2. Chi phí thuê tài sản để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu: Đơn vị phải sử dụng nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu để chi trả.

Điều 25. Phê duyệt hồ sơ thuê tài sản

1. Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2): do Người đứng đầu đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

2. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3); đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4)

a) Người đứng đầu đơn vị quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với:

- Hồ sơ thuê tài sản chỉ để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu (không sử dụng ngân sách nhà nước cấp để trả tiền thuê tài sản):

- Hồ sơ thuê tài sản từ nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh, dịch vụ của đơn vị:

- Hồ sơ thuê tài sản sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao có chi phí thuê dưới 10 tỷ đồng/năm đối với đơn vị nhóm 2, dưới 05 tỷ đồng/năm đối với đơn vị nhóm 3;

b) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt đối với hồ sơ thuê tài sản sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao có chi phí thuê trên 10 tỷ đồng/năm đối với đơn vị nhóm 2, trên 05 tỷ đồng/năm đối với đơn vị nhóm 3.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thuê tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với các hồ sơ thuê tài sản do đơn vị quyết định theo phân cấp của cơ quan, người có thẩm quyền: Các đơn vị phải gửi hồ sơ về cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), về Sở Y tế (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) sau khi phê duyệt để theo dõi, kiểm tra và giám sát. Trường hợp Đề án có những nội dung không phù hợp với các quy định của Nhà nước thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Y tế phải có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp.

Điều 26. Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản

1. Đối với thuê tài sản là cơ sở hạ tầng: Đơn vị căn cứ vào giá thuê trên thị trường, chi phí đầu tư của các tài sản tương tự và các điều kiện về hạ tầng giao thông, nhu cầu thực tế để xem xét, quyết định dự toán thuê, làm cơ sở để giá gói thầu lựa chọn đơn vị cho thuê tài sản.

2. Đối với tài sản là trang thiết bị: Đơn vị tham khảo các căn cứ tại khoản 3 Điều 14 để xác định tổng dự toán tài sản đi thuê, làm cơ sở để xây dựng dự toán, giá gói thầu lựa chọn đơn vị cho thuê tài sản theo ca, tháng hoặc năm.

2. Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng tiêu chí và triển khai lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản theo các nội dung quy định tại Điều 16 Nghị định này và quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP.

Điều 27. Quy định về đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị sử dụng vật tư, hóa chất

1. Việc đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị sử dụng vật tư, hóa chất được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Trang thiết bị hiện có được nhà nước giao, đầu tư cho đơn vị còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức để thực hiện các hoạt động chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao;

b) Việc đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị có hiệu quả hơn việc đầu tư trang thiết bị và đấu thầu mua vật tư, hóa chất để thực hiện dịch vụ.

2. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy dịnh của pháp luật về đấu thầu và các quy định sau:

a) Đối với các đơn vị đã có trang thiết bị nhưng còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức, có nhu cầu đấu thầu vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị theo quy định tại khoản 1 Điều này: Đơn vị phải xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư, hóa chất sử dụng máy của đơn vị riêng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị riêng.

b) Trường hợp đấu thầu tập trung vật tư, hóa chất thì đơn vị được giao nhiệm vụ đấu thầu tập trung phải xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư, hóa chất cho các máy đã có và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị riêng.

c) Giá kế hoạch của gói thầu mua vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị phải chi tiết đến giá vật tư, hóa chất và giá thuê trang thiết bị. Thời gian của các gói thầu này do đơn vị quyết định nhưng không quá 05 năm.

3. Hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định sau:

a) Quy định trong hồ sơ mời thầu cấu hình, các tiêu chí tính năng, kỹ thuật của trang thiết bị cần đi thuê. Nhà thầu ngoài chào giá vật tư, hóa chất để thực hiện dịch vụ phải chào cấu hình, tính năng, kỹ thuật, model, xuất sứ của trang thiết bị để làm cơ sở xem xét, quyết định việc thuê trang thiết bị.

b) Yêu cầu nhà thầu chào giá theo từng dịch vụ (theo từng loại xét nghiệm đối với máy xét nghiệm, từng dịch vụ chẩn đoán hình ảnh đối với trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh, từ dịch vụ đối với trang thiết bị khác), gồm:

- Chi phí vật tư, hóa chất để thực hiện dịch vụ;

- Chi phí thuê trang thiết bị (gồm khấu hao, chi phí duy tu, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị) tính trên 1 dịch vụ;

c) Trường hợp đơn vị tổ chức 02 gói thầu tại điểm a, điểm b khoản 02 Điều này, Nhà thầu tham gia cả 2 gói thầu thì giá chào vật tư, hóa chất phải thống nhất trong cả 2 gói.

d) Số lượng vật tư, hóa chất thanh toán theo sử dụng thực tế của đơn vị, không được quy định số lượng vật tư, hóa chất bắt buộc phải mua sắm.

4. Việc tổ chức đấu thầu phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đấu thầu. Đơn vị có trang thiết bị đáp ứng cấu hình, tính năng, kỹ thuật và có tổng giá vật tư, hóa chất và chi phí thuê trang thiết bị thấp nhất, không vượt quá giá kế hoạch của gói thầu sẽ được xem xét, quyết định cung cấp vật tư, hóa chất.

5. Nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư có cam kết lắp đặt trang thiết bị đã được kiểm định đạt tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ theo quy định để đơn vị sử dụng và phải chịu toàn bộ các chi phí lắp đặt, chạy thử, duy tu, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị theo quy định.

6. Giá các dịch vụ kỹ thuật đối với hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Điều 28. Đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ

1. Các đơn vị được đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ để phục vụ hoạt động của đơn vị trong các trường hợp sau:

a) Tài sản được giao, được đầu tư, trang bị không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, định mức để đơn vị hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời xác định đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ có hiệu quả hơn đầu tư, mua sắm;

b) Tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu, cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị xây dựng đề án thuê đơn vị cung cấp dịch vụ, trong đó nêu rõ sự cần thiết, xác định rõ danh mục các dịch vụ dự kiến thuê, tiêu chuẩn, chất lượng của dịch vụ đi thuê; thời gian thuê (không quá 05 năm); phương thức thanh toán; trách nhiệm của đơn vị và bên cung cấp dịch vụ; hiệu quả của việc đi thuê so với đầu tư, mua sắm tài sản để đơn vị tự thực hiện các dịch vụ này.

3. Phê duyệt đề án thuê đơn vị cung cấp dịch vụ

a) Đối với đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2: đề án thuê đơn vị cung cấp dịch vụ do Người đứng đầu đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đối với những đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4: đề án thuê đơn vị cung cấp dịch vụ do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc cơ quan được Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản quyết định.

4. Các đơn vị có trách nhiệm:

a) Xây dựng giá cung cấp dịch vụ tối đa phù hợp với tiêu chuẩn, chất lượng của dịch vụ và tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

b) Bố trí kinh phí chi thường xuyên để chi trả chi phí cho các đơn vị cung cấp dịch vụ. Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước thì phải có trong dự toán ngân sách được giao.

Chương VI
Quy định về thuê công trình hạ tầng do nhà đầu tư xây dựng trên đất của đơn vị

Điều 29. Điều kiện thực hiện

Hình thức nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo. mở rộng các công trình hạ tầng trên đất của đơn vị (kể cả hệ thống xử lý chất thải), đơn vị ký hợp đồng thuê và

hàng năm trả cho nhà đầu tư một khoản kinh phí nhất định theo hợp đồng thuê được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Dự án có tổng mức đầu tư đưới 100 tỷ đồng. Đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên thực hiện theo quy định của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển của đơn vị đã được phê duyệt.

3. Sử dụng cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu. Trường hợp sử dụng cho hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao thì tài sản được giao, được đầu tư không đáp ứng yêu cầu, còn thiếu diện tích, công suất theo tiêu chuẩn, định mức.

Điều 30. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

1. Đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư so với các hình thức đầu tư khác; tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án;

b) Mục tiêu để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hoạt động dịch vụ theo yêu cầu hay sử dụng cho cả hai mục tiêu này;

c) Dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;

d) Phương án thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, pháp luật khác có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng; thuyết minh sơ bộ về phương án kỹ thuật, công nghệ; sơ bộ phân chia dự án thành phần (nếu có);

đ) Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như đối với dự án đầu tư công;

e) Sơ bộ tổng mức đầu tư; đánh giá sơ bộ phương án tài chính của dự án; dự kiến sử dụng vốn nhà nước trong dự án (nếu có); dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư (theo giá trị tuyệt đối hay theo tỷ lệ doanh thu);

Đối với các dịch vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao: trường hợp giá dịch vụ chưa bao gồm khấu hao tài sản thì đơn vị phải xây dựng phương án sử dụng và bố trí Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả chi phí thuê tương ứng với số dịch vụ đã sử dụng.

g) Hợp đồng dự án là loại hợp đồng BLT theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu.

2. Đơn vị có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định. Tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh đề xuất chủ trương đầu tư và phê duyệt, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): do Người đứng đầu đơn vị quyết định. Đối với những đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý quyết định.

Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm này;

b) Đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 31. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

1. Căn cứ quyết định phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư so với các hình thức đầu tư khác; kết quả tiếp thu các ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án;

b) Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị, sự phù hợp với quy hoạch xây dựng của đơn vị, quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Bộ, của địa phương nơi thực hiện dự án

c) Mục tiêu để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hoạt động dịch vụ theo yêu cầu hay sử dụng cho cả hai mục tiêu này;

d) Dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;

đ) Tiến độ; thời gian thực hiện dự án bao gồm: thời hạn hợp đồng, thời gian xây dựng công trình đối với dự án có cấu phần xây dựng;

e) Thuyết minh yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc sản phẩm, dịch vụ công; hồ sơ

thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan; liên hệ giữa các dự án thành phần (nếu có);

g) Phân tích rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro của dự án;

h) Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư (theo giá trị tuyệt đối hay theo tỷ lệ doanh thu); cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;

i) Tổng mức đầu tư; phương án tài chính của dự án; dự kiến vốn nhà nước trong dự án và hình thức quản lý, sử dụng tương ứng (nếu có); kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư và bên cho vay (nếu có); khả năng huy động vốn để thực hiện dự án; phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

k) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đơn vị có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định. Tiếp thu ý kiến để hoàn chỉnh báo cáo và phê duyệt, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:

a) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): do Người đứng đầu đơn vị quyết định. Đối với những đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý quyết định.

Các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện: Thực hiện theo Đề án thí điểm được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời gian thực hiện thí điểm, đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm này;

b) Đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Quyết định phê duyệt dự án bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên dự án;

b) Tên cơ quan ký kết hợp đồng;

c) Mục tiêu; quy mô; địa điểm; thời gian thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;

d) Loại hợp đồng dự án là hợp đồng BLT;

đ) Tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng; thời gian thuê công trình hạ tầng được xác định trên cơ sở cân bằng lợi ích giữa đơn vị sự nghiệp và nhà đầu tư. Được phê duyệt trong báo cáo nghiên cứu khả thi, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

e) Tên bên mời thầu, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 32. Công bố dự án

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có), đơn vị có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thông tin dự án được công bố bao gồm:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có);

b) Quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có);

c) Thông tin về địa chỉ liên hệ của cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu.

Điều 33. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị xây dựng hoặc thuê tư vấn xây dựng hồ sơ mời thầu. Hồ sơ mời thầu phải được thống nhất trong cấp ủy, lãnh đạo đơn vị, tổ chức công đoàn và phải được Người đứng đầu đơn vị phê duyệt, chịu trách nhiệm, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa đơn vị, người sử dụng dịch vụ và đối tác;

2. Đơn vị có trách nhiệm tổ chức mời thầu, thành lập tổ đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu.

3. Căn cứ vào bảng xếp hạng các nhà thầu tham gia do tổ đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu quy định tại khoản 2 Điều này cung cấp, tập thể đảng ủy, lãnh đạo và tổ chức công đoàn đơn vị phải họp, thảo luận để thống nhất lựa chọn nhà đầu tư. Căn cứ vào biên bản họp lựa chọn nhà đầu tư, Người đứng đầu đơn vị có quyết định phê duyệt việc lựa chọn nhà đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

4. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên:

a) Trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế; của địa phương nơi thực hiện dự án;

c) Trang thông tin điện tử về đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 34. Ký kết và hợp đồng và triển khai thực hiện hợp đồng

1. Căn cứ kết quả phê duyệt nhà đầ tư, đơn vị và nhà đầu tư Ký kết hợp đồng. Nội dung của hợp đồng theo quy định của pháp luật về Hợp đồng BLT (xây dựng - thuê dịch vụ - chuyển giao);

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo quy định và hợp đồng đã ký.

3. Đơn vị tổ chức hoạt động cung ứng dịch vụ và chi trả chi phí thuê theo hợp đồng đã ký.

4. Nguồn kinh phí để chi trả tiền thuê từ nguồn thu của các dịch vụ sử dụng công trình hạ tầng, từ nguồn kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

5. Quyền sử dụng đất vẫn thuộc đơn vị sự nghiệp công, đơn vị không phải làm các thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất. Hết thời hạn thuê, nhà đầu tư chuyển giao công trình hạ tầng cho đơn vị sự nghiệp công.

Chương VII
Một số quy định khác

Điều 35. Quy định về giá dịch vụ

Giá các dịch vụ sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết, đi thuê và các dịch vụ do đơn vị thuê dịch vụ cung cấp thực hiện như sau:

1. Đối với các dịch vụ phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao: thực hiện theo mức giá được cấp có thẩm quyền quy định theo quy định của pháp luật về giá;

2. Các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài (trừ trường hợp tham gia bảo hiểm y tế và đi khám, chữa bệnh theo quy định của bảo hiểm y tế): do người đứng đầu đơn vị quyết định;

3. Đối với các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cho người Việt Nam ở trong nước:

a) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính khảo sát mức giá dịch vụ theo yêu cầu của các đơn vị sự nghiệp công lập, các bệnh viện tư để ban hành mức giá tối đa, theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của các đơn vị;

b) Các đơn vị có tổ chức dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu:

- Xây dựng danh mục các dịch vụ theo yêu cầu thực hiện tại đơn vị;

- Xây dựng và quyết định mức giá các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản này và hướng dẫn của Bộ Tài chính về phương pháp xây dựng giá, bảo đảm không vượt quá mức giá tối đa do Bộ Y tế ban hành.

Trường hợp Bộ Y tế chưa ban hành mức giá tối đa, người đứng đầu đơn vị tạm thời quyết định mức giá để thực hiện.

4. Đối với các dịch vụ thuộc các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu nhưng không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này: do đơn vị xây dựng và quyết định mức giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về phương pháp xây dựng giá.

5. Thực hiện kê khai giá theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

6. Đơn vị có trách nhiệm niêm yết công khai danh mục và mức giá của các dịch vụ từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị, của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện để người bệnh biết, lựa chọn. Nghiêm cấm việc gợi ý, ép buộc người bệnh sử dụng các dịch vụ kỹ thuật y tế bằng các trang thiết bị liên doanh, liên kết, tài sản đi thuê trong khi tại đơn vị có loại trang thiết bị đó và còn đủ khả năng đáp ứng.

Điều 36. Quy định về cử người lao động làm việc tại cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu, cơ sở liên doanh, liên kết.

1. Đơn vị phải xây dựng quy chế cử người lao động và trách nhiệm chi trả tiền lương, thu nhập cho người lao động của đơn vị được cử sang làm việc tại cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu, cơ sở liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu, cơ sở liên doanh, liên kết có trách nhiệm bảo đảm và phải sử dụng nguồn thu để chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ cho số người làm việc tại cơ sở, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu.

3. Quỹ tiền lương của cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu phải được thảo luận công khai và quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và không được vượt quá 50% tổng chi phí của cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu.

4. Đơn vị không được sử dụng dự toán ngân sách nhà nước giao để chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền công cho số người lao động được cử sang làm việc 100% thời

gian tại cơ sở hạch toán độc lập, bộ phận hoạt động dịch vụ theo yêu cầu, cơ sở liên doanh, liên kết.

Điều 37. Hạch toán, kế toán đối với hoạt động liên doanh, liên kết

1. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với bên đối tác để mở sổ kế toán, theo dõi quản lý, hạch toán đầy đủ nguồn thu, các khoản chi phí của từng hoạt động liên doanh, liên kết theo quy định tại chuẩn mực số 07-Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết; chuẩn mực số 08- Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh, ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Các tài sản của đơn vị đưa vào đề án liên doanh, liên kết để hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu phải trích khấu hao theo chế độ khấu hao hiện hành và hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

3. Cơ sở hạch toán độc lập có trách nhiệm trích một phần chênh lệch thu chi (sau khi hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nếu có) về Đơn vị sự nghiệp theo mức quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Đơn vị sự nghiệp.

4. Nguồn thu từ các hoạt động liên doanh, liên kết, nguồn do cơ sở hạch toán độc lập trích nộp sau khi thực hiện xong nghĩa vụ với ngân sách nhà nước là một nguồn tài chính của đơn vị, được quản lý, sử dụng theo cơ chế tự chủ do Chính phủ quy định.

Chương VIII
Tổ chức thực hiện

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính để ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ưu tiên nguồn vốn kích cầu, vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư của địa phương cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

3. Các ngân hàng thương mại có cơ chế ưu đãi về lãi suất để khuyến khích các tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư vào lĩnh vực y tế - dân số, cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu, chất lượng cao.

Điều 39. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Nghị định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các Đề án, dự án đã và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện nhưng phải rà soát, điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp với Nghị định này.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2021.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này; chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số thuộc phạm vi quản lý trong việc chấp hành các quy định tại Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).KN.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc